**TUẦN 5**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiết | Nội dung | Ghi chú |
| 21-22-23 | Hoàng Lê nhất thống chí (hồi thứ 14) |  |
|  | Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh | Khuyến khích HS tự đọc |
| Thuật ngữ | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 24-25 | Luyện tập | GV tổ chức cho học sinh chia sẻ những trải nghiệm khi thực hiện các yêu cầu tự đọc.- Luyện tập viết đoạn văn trình bày cảm nhận về vẻ đẹp của Quang Trung. |

**Tiết 21-22-23: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

**(Ngô gia văn phái)**

**I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHÚ THÍCH**

**1. Tác giả:** Ngô gia văn phái

**2. Tác phẩm “Hoàng Lê nhất thống chí”: SGK/70.**

**3. Đoạn trích:** Trích hồi 14 – Hoàng Lê nhất thống chí.

 **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN**

**1. Hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ**

- định thân chinh cầm quân đi ngay

- tế cáo trời đất, lên ngôi hoàng đế.

- đốc suất đại binh, cho vời người cống sĩ

- kén lính ở Nghệ An, duyệt binh

- ra doanh yên ủi quân lính.

→ Con người hành động mạnh mẽ, quyết đoán có chủ đích.

- Lời phủ dụ quân lính: SGK/66.

- Lời phán xét Sở -Lân: SGK/66

→ Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén sáng suốt phân tích tình hình, nhạy bén trong việc khen thưởng, dùng người.

- Lời nói với Ngô Thì Nhậm: SGK/67 → Ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng.

- Trận Phú Xuyên.

- Trận Hà Hồi

- Trận Ngọc Hồi

- tiến binh đến Thăng Long.

→ Tài dụng binh như thần.

- cưỡi voi đi đốc thúc

- tướng ở trên trời xuống, quân chui dưới đất lên.

→ Hình ảnh oai phong lẫm liệt

⇨**NGƯỜI ANH HÙNG DÂN TỘC- TRÍ DŨNG SONG TOÀN.**

**2. Hình ảnh bọn xâm lược và lũ tay sai bán nước.**

a**) Quân tướng nhà Thanh:**

- Tướng: Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết, Tôn Sĩ Nghị sợ mất mật nhằm hướng bác mà chạy.

- Quân sĩ: đều hoảng hồn, tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, chết rất nhiều.

⇨ **Quân Thanh đại bại.**

**b) Bọn vua tôi phản nước, hại dân**

- Vua Chiêu Thống vội cùng bọn thân tín “đưa thái hậu ra ngoài”, cướp cả thuyền của dân để qua sông, “luôn mấy ngày không ăn”.

- Đuổi kịp Tôn Sĩ Nghị, “nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt” .

⇨ **Số phận bi đát của bọn bán nước cầu vinh, muôn đời mang tiếng xấu.**

**III. TỔNG KẾT: GN-SGK/72.**

**1.Về nội dung:** Với quan điểm lịch sử đúng đắn và niềm tự hào dân tộc, các tác giả đã tái hiện một cách chân thực, sinh động hình ảnh Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.

**2. Về nghệ thuật**

- Khắc họa một cách rõ nét hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ.

- Nghệ thuật tự sự kết hợp với miêu tả nhuần nhuyễn: Kể sự kiện lịch sử rành mạch chân thực, khách quan, sinh động.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tiết 24-25:** **Luyện tập**

- Giáo viên tổ chức cho học sinh chia sẻ những trải nghiệm khi thực hiện các yêu cầu tự đọc.

- Học sinh viết đoạn văn trình bày cảm nhận về vua Quang Trung.

## **Tuần 6-7**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 26-35 | 1. **Đọc hiểu**

Truyện Kiều của Nguyễn DuChị em Thúy KiềuKiều ở lầu Ngưng Bích1. **Tập làm văn**

Miêu tả trong văn tự sựMiêu tả nội tâm trong văn bản tự sự | Chủ đề tích hợp: Truyện Kiều- Viên ngọc quý của nền văn học Việt Nam- Tổ chức cho HS thuyết trình về *Nguyễn Du và Truyện Kiều.*- Dạy Đọc hiểu văn bản- Dạy TLV dựa trên ngữ liệu đọc hiểu. |
|  | Cảnh ngày xuân, MGS mua KiềuThúy Kiều báo ân báo oán | Khuyến khích HS tự đọc |

**CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP**

**TRUYỆN KIỀU**

**- VIÊN NGỌC QUÝ CỦA NỀN VĂN HỌC VIỆT NAM**

## **Tiết 26-27: TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU**

## **TÁC GIẢ NGUYỄN DU: SGK/77.**

## **II. GIỚI THIỆU TRUYỆN KIỀU**

## **1. Nguồn gốc:**

## - Dựa theo cốt truyện Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc) nhưng phần sáng tạo của Nguyễn Du là rất lớn.

## - Lúc đầu có tên: “Đoạn trường Tân Thanh”, sau đổi thành “Truyện Kiều”.

1. **Thể loại**

- Truyện thơ Nôm với 3254 câu thơ lục bát.

- Đặc điểm truyện thơ Nôm.

+ Truyện thơ Nôm là thể loại dùng các thể thơ tiếng Việt viết bằng chữ Nôm (thường là thơ lục bát) để kể chuyện (trần thuật). Nội dung của truyện thơ Nôm thường phản ánh đời sống xã hội cũng như thể hiện quan niệm, lí tưởng nhân sinh của tác giả thông qua việc miêu tả, tường thuật lại một cách tương đối trọn vẹn cuộc đời, tính cách nhân vật bằng một cốt truyện với chuỗi các biến cố, sự kiện nổi bật.

+ Truyện thơ Nôm có nhiều nguồn gốc cốt truyện khác nhau: sử dụng cốt truyện dân gian, lấy cốt truyện trong văn học viết Trung Quốc, lấy cốt truyện từ chính cuộc đời tác giả và thực tiễn đời sống (có thông qua hư cấu, sáng tạo).

+ *Đặc điểm nội dung:*

* Chủ đề giải phóng tình yêu đôi lứa: Trong các truyện này, các cặp đôi nhân vật “tài tử – giai nhân” đã đến với nhau bằng tình cảm yêu đương tự nhiên, chân thật, say đắm của tuổi trẻ. Họ cũng đã phải vượt qua những trở ngại của lễ giáo và của các thế lực xã hội khác để cuối cùng nên duyên chồng vợ, hưởng hạnh phúc lứa đôi tương đối trọn vẹn, lí tưởng.
* Chủ đề đấu tranh cho công lí xã hội: Các truyện này thường kết thúc có hậu, thoả mãn mơ ước về một xã hội công bằng, về sự thay đổi số phận của các tầng lớp dưới trong xã hội. Các mối tình cao đẹp, trong sáng cũng được nâng niu, ca ngợi.

*+ Đặc điểm nghệ thuật:*

* Kết cấu: Theo mô hình: *Gặp gỡ (Hội ngộ)* – *Gia biến (Lưu lạc) – Đoàn tụ (Đoàn viên)*.
* Nhân vật: Nhân vật của truyện thơ Nôm thường được chia thành hai tuyến rõ ràng: nhân vật chính diện (đại diện cho cái tốt, cái tiến bộ) và nhân vật phản diện (đại diện cho cái xấu, cái ác, cái bảo thủ). Ngoại hình các nhân vật cũng được chú ý miêu tả, nhưng nhìn chung vẫn theo lối ước lệ, tượng trưng. Các nhân vật cũng được khắc hoạ thông qua ngôn ngữ đối thoại. Một số nhân vật (ở truyện thơ Nôm bác học) đã được khắc hoạ đời sống tâm lí thông qua việc tả cảnh ngụ tình hoặc miêu tả trực tiếp tâm trạng, tâm lí (ngôn ngữ độc thoại).
* Ngôn ngữ: Truyện thơ Nôm luôn có sự kết hợp của hai loại ngôn ngữ: ngôn ngữ bình dân và ngôn ngữ bác học. Ngôn ngữ bình dân là lời ăn tiếng nói hằng ngày, ngôn ngữ đời sống (khẩu ngữ, thành ngữ, tục ngữ, phương ngữ,…). Ngôn ngữ bác học là ngôn ngữ được trau chuốt, dùng phổ biến trong nền văn học viết trung đại, thiên về ước lệ tượng trưng, sử dụng nhiều từ Hán Việt, điển tích, điển cố, văn thi liệu Hán học, nhiều thủ pháp tu từ phức tạp.
**2. Tóm tắt tác phẩm:** SGK/78-79.

## **3. Giá trị tác phẩm**

## a) Giá trị nội dung:

## \* Giá trị hiện thực: Truyện Kiều là bức tranh hiện thực về một xã hội phong kiến bất công tàn bạo.

## \* Giá trị nhân đạo: Truyện Kiều là tiếng nói thương cảm trước số phận bi kịch của con người, khẳng định và đề cao tài năng nhân phẩm và những khát vọng chân chính của con người.

## b) Giá trị nghệ thuật:

## - Ngôn ngữ văn học dân tộc và thể thơ lục bát đạt tới đỉnh cao rực rỡ.

## - Nghệ thuật tự sự có bước phát triển vượt bậc từ nghệ thuật dẫn chuyện đến miêu tả thiên nhiên con người.

## **Tiết 28-29: CHỊ EM THÚY KIỀU**

1. **ĐỌC - TÌM HIỂU CHÚ THÍCH: SGK/82.**
2. **TÌM HIỂU VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| Giới thiệu chung về hai chị emĐầu lòng hai ả tố nga,Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.**Mai cốt cách tuyết tinh thần,**Mỗi người một vẻ **mười phân vẹn mười.** | → nghệ thuật ước lệ, thành ngữ, tiểu đối⇨ **Vẻ đẹp hoàn hảo, trong trắng, thanh tao.** |
| **Vẻ đẹp của Thúy Vân**Vân xem trang trọng khác vời,**Khuôn trăng** đầy đặn **nét ngài** nở nang.**Hoa** cười **ngọc** thốt đoan trang,**Mây thua** nước tóc t**uyết nhường** màu da. | → nghệ thuật ước lệ, nhân hóa, nói quá⇨ **Vẻ đẹp phúc hậu, đoan trang mà quý phái dự báo một cuộc đời bình lặng, suôn sẻ và hạnh phúc.** |
| **Vẻ đẹp của Thúy Kiều**Kiều càng sắc sảo mặn mà,So bề tài sắc lại là phần hơn:**Làn thu thủy nét xuân sơn,Hoa ghen** thua thắm **liễu hờn** kém xanh.Một hai **nghiêng nước nghiêng thành**,Sắc đành đòi một tài đành họa hai.**Thông minh** vốn sẵn tính trời,Pha **nghề** thi họa **đủ mùi** ca ngâm.Cung thương **làu** bậc ngũ âm,**Nghề riêng** **ăn đứt** hồ cầm một trương.Khúc nhà tay lựa nên chương,**Một thiên Bạc mệnh** lại càng não nhân. | → Nghệ thuật ước lệ, nhân hóa, nói quá, điển cố: **Vẻ đẹp mặn mà, sắc sảo và quyến rũ của một nhan sắc tuyệt trần.**→ tài năng đạt tới mức lí tưởng, thành nghề.⇨**Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp của sắc – tài – tình dự báo số phận nàng sẽ gặp nhiều tai ương, sống gió.** |
| **4. Cuộc sống của hai chị em**Phong lưu rất mực hồng quần,Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kêÊm đềm trướng rủ màn che,Tường đông ong bướm đi về mặc ai. |  ⇨ Cuộc sống nề nếp, gia giáo. |

**III. TỔNG KẾT: GN/83.**

**Tiết 30- 31: KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

1. **ĐỌC- TÌM HIỂU CHÚ THÍCH: SGK/94**
2. **TÌM HIỂU VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Hoàn cảnh của Thúy Kiều**

Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân,**Vẻ non** xa tấm **trăng gầ**n ở chung.Bốn bề bát ngát xa trông,**Cát vàng** cồn nọ **bụi hồng** dặm kia.**Bẽ bàng** **mây sớm đèn khuya**,Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng. | →hình ảnh ước lệ, từ láy, thành ngữ⇨ **Đoạn thơ gợi tả không gian mênh mông, hoang vắng, thời gian tuần hoàn khép kín. Qua đó, Nguyễn Du làm nổi bật hoàn cảnh cô đơn tuyệt đối, đáng thương của Kiều.** |
| 1. **Nỗi nhớ của Thúy Kiều**
2. **Nhớ Kim Trọng**

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,Tin sương luống những **rày trông mai chờ**.Bên trời góc bể bơ vơ,Tấm son gột rửa bao giờ cho phai. | → thành ngữ: Kiều nhớ về lời thề đôi lứa và ý thức về nỗi đau , nỗi nhục của bản thân. |
| 1. **Nhớ cha mẹ**

**Xót** người tựa cửa hôm mai,**Quạt nồng ấp lạnh** những ai đó giờ?**Sân Lai** cách mấy nắng mưa,Có khi **gốc tử** đã vừa người ôm? | → từ ngữ chọn lọc, thành ngữ, điển cố: Kiều xót xa khi nghĩ đến cha mẹ không người phụng dưỡng, chăm sóc.  |
| **⇨ Trong cảnh ngộ ở lầu Ngưng Bích, Kiều là người đáng thương nhất, nhưng nàng đã quên cảnh ngộ của bản thân để nghĩ về Kim Trọng, nghĩ về cha mẹ. Kiều là người yêu thủy chung, người con hiếu thảo, người có tấm lòng vị tha đáng trân trọng.** |
| 1. **Tâm trạng của Thúy Kiều**

Buồn trông cửa bể chiều hôm,Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?Buồn trông ngọn nước mới sa,Hoa trôi man mác biết là về đâu?Buồn trông nội cỏ rầu rầu,Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi. | → bút pháp tả cảnh ngụ tình, điệp ngữ, câu hỏi tu từ, ẩn dụ, từ láy⇨**Một khúc nhạc buồn thấm thía, một bức tranh thấm đẫm nội tâm. Cảnh vật ở đây được miêu tả từ xa đến gần, màu sắc từ đậm đến nhạt, âm thanh từ tĩnh đến động cũng giống như nỗi buồn của Kiều từ man mác, mông lung cho đến lo âu, kinh sợ khi nghĩ về cảnh ngộ của mình.**  |

1. **TỔNG KẾT: GN/96.**

**Tiết 32: MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự.**

\* Ví dụ: SGK/91.

- Đoạn trích kể về trận Ngọc Hồi- Đống Đa.

- Nhờ yếu tố miêu tả mà trận đánh được tái hiện một cách sinh động. Hình ảnh vua Quang Trung xuất hiện thật oai nghiêm, dũng mãnh, cổ vũ động viên tinh thần quân sĩ.

\* Ghi nhớ : SGK/92.

**II. Luyện tập**

**1/92. Đọc đoạn trích “Chị em Thuý Kiều” để tìm những yếu tố tả người và tả cảnh.**

- Trong đoạn trích “Chị em Thuý Kiều”: Có một câu tả cảnh (Êm đềm trướng rủ màn che); còn lại chủ yếu là các hình ảnh tả tài sắc của Thuý Kiều và vẻ đẹp của Thuý Vân. Các hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên được lấy để khắc hoạ vẻ đẹp của hai nhân vật chứ không phải để tả thiên nhiên. Đây là đặc điểm ước lệ của văn học trung đại.

- Các yếu tố miêu tả trong hai trích đoạn “Chị em Thuý Kiều” có tác dụng khắc hoạ vẻ đẹp của hai chị em Thuý Kiều. Nhờ yếu tố miêu tả, tác giả đã làm nổi bật vẻ đẹp khác nhau giữa hai chị em Thuý Kiều. Qua đó, Nguyễn Du ngợi ca vẻ đẹp của con người và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh.

**3/92. Viết một đoạn văn giới thiệu về vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều.**

Gợi ý: Không nên dùng lại y nguyên những hình ảnh ước lệ trong đoạn trích Chị em Thuý Kiều để giới thiệu mà phải biết liên tưởng từ những hình ảnh gợi tả mà tác giả sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của hai nhân vật này theo cảm nhận của riêng mình. Chú ý đảm bảo mạch giới thiệu theo câu chuyện (ở đây là việc giới thiệu về gia đình Thuý Kiều, trình tự giới thiệu từ Thuý Vân đến Thuý Kiều, từ vẻ đẹp hình thức đến tài hoa).

Tiết 33: **MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự.**

\* Ví dụ

1/117. Văn bản : “Kiều ở lầu Ngưng Bích”

1. HS xác định trong SGK.

b) Nhìn cảnh, chúng ta biết tâm trạng bên trong của nhân vật.

c) Miêu tả nội tâm có vai trò và tác dụng to lớn trong việc khắc hoạ đặc điểm, tính cách nhân vật.

2/117.

Nhận xét : Ngoại hình của Lão Hạc được miêu tả đồng nhất với nội tâm. Nó diễn tả một tâm trạng đau đớn, giằng xé đến tột cùng. Lão đắng cay, tủi nhục, ân hận đến tột cùng vì trót lừa một con chó.

\* Ghi nhớ : SGK/117.

1. **Luyện tập**

**HS làm bài tập 3/117.**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tiết 34, 35: LUYỆN TẬP**

- GV tổ chức cho HS chia sẻ những trải nghiệm của bản thân trong quá trình tự đọc các văn bản: *Cảnh ngày xuân, Mã Giám Sinh mua Kiều, Thúy Kiều báo ân báo oán.*

- Củng cố lại kiến thức về hai đoạn trích *Chị em Thúy Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích.*

- Rèn kĩ năng viết đoạn văn.